

CHUYỂN ĐỔI TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO TRONG CÁC CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI MIỀN ĐÔNG NAM BỘ⁽¹⁾

PHAN THỊ YẾN TUYẾT*

Việc chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo, sau đó rời bỏ tôn giáo đã theo, thậm chí trở lại tôn giáo cũ của các dân tộc thiểu số như Xtiêng, Chơ ro, Mnông, Mạ, Khmer và nhóm tộc người Tà Mun tại miền Đông Nam Bộ (cụ thể ở tỉnh Bình Phước và Đồng Nai), đã diễn ra qua quá trình lịch sử và bối cảnh xã hội đặc thù của họ. Các dân tộc nếu có sự chọn lựa duy lý trong tôn giáo của mình thì không chỉ đơn thuần là việc cân nhắc, tính toán các điều kiện vật chất thuận lợi mà tôn giáo đó đem lại, mà còn do các yếu tố tâm lý, tình cảm, niềm tin sâu sắc, thiêng liêng của con người dành cho tôn giáo đó. Sự chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo gần như không gây nên sự kỳ thị, xung đột giữa các dân tộc cùng cộng cư trên một địa bàn, nó cũng hầu như không gây xáo trộn tâm lý hay mất mát niềm tin của họ đối với tín ngưỡng, tôn giáo cũ.

Từ khóa: chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo, sự cải đạo, tái cải đạo, thuyết lựa chọn duy lý, dân tộc thiểu số miền Đông Nam Bộ

Nhận bài ngày: 30/1/2018; đưa vào biên tập: 3/2/2018; phản biện: 5/2/2018; duyệt đăng: 10/4/2018

1. LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong bài, đối tượng khảo sát của chúng tôi⁽²⁾ là các dân tộc thiểu số như Xtiêng, Mnông, Chơ ro, Mạ, Khmer và nhóm tộc người Tà Mun⁽³⁾. Địa bàn khảo sát là miền Đông Nam Bộ nhưng chủ yếu tập trung vào hai tỉnh Bình Phước và Đồng Nai, vì hai tỉnh này có nhiều dân tộc thiểu số nhất. Các dân tộc này có tín ngưỡng truyền thống thờ cúng đa thần trong môi trường tự

nhien của miền rừng núi trước khi họ chuyển cư về vùng đồng bằng, thị tứ. Do nhiều hoàn cảnh xã hội tác động, họ đã đến với các tôn giáo vốn xa lạ với nền văn hóa của họ như Công giáo, Tin Lành, Phật giáo, Cao Đài.

Trong bài viết, chúng tôi vận dụng phương pháp nghiên cứu định tính, cụ thể là quan sát tham dự (participant observation), phỏng vấn sâu (in-depth interview), phỏng vấn lịch sử qua lời kể (oral history) và lịch sử cuộc đời (life history). Thành phần các mẫu chọn tham gia phỏng vấn sâu là 48 người, bao gồm đầy đủ các dân tộc thiểu số tại địa bàn khảo sát. Các mẫu

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

phòng vấn bao gồm hai giới tính, các thành phần xã hội (cán bộ các cơ quan phụ trách về dân tộc và tôn giáo, cán bộ Ủy ban Nhân dân huyện, xã, ấp, mục sư, linh mục, sư cả, già làng, nông dân, sinh viên, nội trợ...), với trình độ học vấn khác nhau (từ cấp 1 đến tốt nghiệp đại học).

Bài viết tiếp cận khái niệm *Chuyển đổi tôn giáo* (Religious conversion), *Nhân học của chuyển đổi tôn giáo* (*Anthropology of religious conversion*) và tiếp cận *Thuyết lựa chọn duy lý*/ hoặc còn được dịch là *Thuyết lựa chọn hợp lý* (Rational choice theory).

- Khái niệm *Chuyển đổi tôn giáo* là chuyển đổi niềm tin vào các thực thể tinh thần, các lực lượng siêu nhiên, cũng là chuyển đổi về nghi lễ tôn giáo và hành vi tôn giáo của cá nhân hay cộng đồng tộc người (Huỳnh Ngọc Thu, 2014: 127). *Chuyển đổi tôn giáo* đối với ngành nhân học thuộc về hành vi tôn giáo của cá nhân, nhóm người hay cộng đồng tộc người, có thể làm thay đổi một phần hoặc toàn bộ văn hóa, xã hội của cá nhân, nhóm người hay tộc người đó⁽⁴⁾ (Andrew Buckser and Stephen D. Glazier, 2003: 2-3). “Chuyển đổi tôn giáo đặt ra một thách thức mạnh mẽ đến lý thuyết nhân học về mối quan hệ giữa văn hóa và bản thân con người. Ngành nhân học cho rằng tôn giáo liên quan không chỉ với những ý tưởng về siêu nhiên; mà còn tạo thành một lý thuyết của thế giới, tìm hiểu làm thế nào mà các cá nhân đột nhiên chọn tôn giáo mới. Sự tự nguyện *chuyển đổi tôn giáo* với các

giả định căn bản mà bản thân những người chuyển đổi đều hiểu được. Điều này xảy ra trên thực tế và hầu như thường lệ trong *tôn giáo truyền thống*” (Andrew Buckser and Stephen D. Glazier, 2003: 2-3)⁽⁵⁾. Như vậy phải chăng khái niệm *tôn giáo truyền thống* có thể được xem là *tín ngưỡng truyền thống* của các dân tộc thiểu số trong bài này? “Chuyển đổi tôn giáo nêu bật sự tương tác, và trong nhiều trường hợp còn là sự căng thẳng giữa ý thức cá nhân và cơ cấu của đời sống cộng đồng” (Andrew Buckser and Stephen D. Glazier, 2003: 3-4). Các nghiên cứu cũng đề cập đến những vấn đề *cải đạo và tái cải đạo* (reconversion) (Andrew Buckser and Stephen D. Glazier, 2003: 1-6).

Trong bài viết này nếu chúng tôi chỉ đề cập về sự chuyển đổi tôn giáo mà không nhắc gì đến giai đoạn các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ *chuyển từ tín ngưỡng truyền thống sang tôn giáo* chắc chắn sẽ là điều thiếu sót. Chính vì vậy chúng tôi sẽ khảo sát toàn bộ quá trình chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang tôn giáo của các dân tộc này và gọi chung là *sự chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo*.

- Thuyết lựa chọn duy lý/thuyết lựa chọn hợp lý thường được vận dụng trong nghiên cứu về sự *chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo*. Thuyết này có nguồn gốc từ xã hội học, phổ biến trong triết học, kinh tế học và nhân học vào thế kỷ XVIII, XIX. Một số nhà triết học nhận định bản chất con người là vị kỷ, luôn tìm đến sự hài lòng, sự thỏa

mãn và lãng tránh nỗi khổ đau. Một số nhà kinh tế học cổ điển nhấn mạnh vai trò động lực lợi nhuận khi con người lựa chọn hành động (Vivian Wang, 2014). Các tác giả tiêu biểu về *lý thuyết lựa chọn duy lý* là Max Weber, George Simmel, George Homans, Peter Blau... “Lý thuyết lựa chọn duy lý nhấn mạnh đến việc phải cân nhắc, tính toán nhằm đạt được những tối ưu trong lựa chọn. Những tối ưu này không chỉ là yếu tố vật chất mà còn cả yếu tố tinh thần và lợi ích xã hội” (Huỳnh Ngọc Thu, 2014: 128).

Dựa theo *thuyết lựa chọn duy lý*, giả thuyết nghiên cứu trong bài này là tìm hiểu sự *chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo*, một quá trình từ bỏ tín ngưỡng truyền thống để theo tôn giáo mới hoặc sự cải đạo hay tái cải đạo giữa các tôn giáo, có phải đơn thuần là do các điều kiện kinh tế, vật chất hay chủ yếu từ hoàn cảnh xã hội, yếu tố tinh thần, tâm lý của các dân tộc thiểu số?

2. TÌNH HÌNH CHUYỂN ĐỔI TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO TRONG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI TỈNH BÌNH PHƯỚC VÀ TỈNH ĐỒNG NAI Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

Các dân tộc thiểu số như người Xtiêng, Mnông, Chơ ro, Mạ và nhóm tộc người Tà Mun xưa kia chủ yếu sống nơi rừng sâu, tín ngưỡng truyền thống riêng của từng cộng đồng là thờ cúng những vị thần linh liên quan đến môi trường thiên nhiên nơi họ sinh sống như thần Lúa, thần Rừng, thần Núi... hoặc một số dân tộc còn có tín ngưỡng thờ cúng linh hồn ông bà, cha

mẹ. Tâm thức tín ngưỡng này tồn tại lâu đời như một sắc thái văn hóa đặc trưng phù hợp với môi trường thiên nhiên nơi cư trú. Tuy nhiên dưới tác động lịch sử cũng như do những biến đổi về kinh tế, văn hóa, xã hội tại địa bàn cư trú, đặc biệt trong các thời kỳ chiến tranh trước năm 1975, các dân tộc thiểu số phải di dời ra thị trấn, thị xã, tách xa lâu ngày hoặc vĩnh viễn môi trường thiên nhiên rừng núi. Đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn tới sự chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo. Đối với các dân tộc thiểu số, tín niệm về hệ thống thần linh khá đa dạng trước đây mờ nhạt dần và các nghi thức thực hiện tín ngưỡng không còn phù hợp để duy trì ở môi trường cư trú đô thị. Cũng tại môi trường xã hội mới, các dân tộc thiểu số đã tiếp thu những tôn giáo hầu như hoàn toàn xa lạ với tín ngưỡng truyền thống của họ, như Công giáo, Tin Lành, Phật giáo, Cao Đài. Ở những quốc gia mà luật pháp thừa nhận tự do tín ngưỡng thì vấn đề theo đạo, cải đạo và tái cải đạo thường ít dẫn đến tình trạng xung đột, căng thẳng, vì hành vi “tự do chuyển đổi tôn giáo góp phần làm giảm căng thẳng, thù nghịch tôn giáo” (Quang Nhung, 2018)⁽⁶⁾. Điều này phải chăng cần được nhận thức và nghiên cứu, nhất là ở những quốc gia đa dân tộc và đa tôn giáo như Việt Nam. Thông qua cuộc khảo sát trong hai năm 2016 và 2017, chúng tôi cố gắng lý giải những nguyên nhân dẫn tới sự theo đạo, cải đạo và thậm chí tái cải đạo trong quá trình chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo của các dân tộc

thiểu số và nhóm tộc người tại miền Đông Nam Bộ.

2.1. Tình hình tôn giáo - dân tộc và các địa bàn chọn mẫu khảo sát tại tỉnh Bình Phước

Quá trình chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo của các dân tộc thiểu số và nhóm tộc người ở tỉnh Bình Phước như sau:

- Trong xã hội người Xtiêng, Mnông và nhóm tộc người Tà Mun đều tồn tại lâu đời tín ngưỡng truyền thống, thờ cúng đấng thần của thế giới tự nhiên như thần Rừng, thần Suối, thần Núi... đặc biệt là thần Lúa và tín ngưỡng thờ cúng ông bà, cha mẹ. Trong thời kỳ chiến tranh, khi bị buộc phải ra sống ở ấp chiến lược vùng thị tứ, họ đã chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống của mình sang đạo Công giáo hay đạo Tin Lành qua sự truyền đạo của các linh mục hay mục sư, dù các tôn giáo này thuộc nền văn hóa phương Tây, khác hẳn với văn hóa truyền thống của họ. Họ có được đức tin nơi các tôn giáo này theo nhận thức của họ. Sau 1975 do nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân nhạy cảm về chính trị, sinh hoạt đạo gặp khó khăn nên hầu hết họ đã bỏ đạo Công giáo và Tin Lành, trong đó có một số người đã cải đạo theo Phật giáo Nam Tông. Khoảng năm 1990, khi xã hội đã bước vào thời kỳ Đổi mới, một số người từng theo Phật giáo Nam Tông tiếp tục chuyển đổi tôn giáo, trở lại với đạo Tin Lành hay Công giáo.

- Người Khmer ở xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước vốn

là những tín đồ Phật giáo Nam Tông lâu đời. Song có một thời gian đồng bào bỏ đạo Phật vì chùa tại địa phương không có sư sãi hoạt động. Cũng vì lý do này nên hầu hết người Khmer tại đây đã cải đạo theo Tin Lành. Vài năm gần đây chùa Khmer tại xã đã có sư cả từ tỉnh Bạc Liêu đến trụ trì và nhiều sư Khmer đến đây tu tập nên người Khmer ở xã lại bỏ đạo Tin Lành để quay trở về với Phật giáo Nam Tông. Đối với người Khmer, tâm thức Phật giáo Nam Tông đã gắn chặt với mọi phong tục tập quán và nghi lễ đời người của họ, chưa kể còn cả tín niệm tàn dư của đạo Bà La Môn hòa trộn vào Phật giáo, do đó việc cải đạo theo một tôn giáo khác là hiện tượng rất cá biệt và đặc biệt.

- Về nhóm tộc người Tà Mun ở ấp Sóc 5, xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản: từ thập niên 1920 đa số đã chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang đạo Cao Đài, khi nhiều người trong tộc người tự nguyện tham gia khai phá rừng và xây dựng Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh. Nhưng tại ấp Sóc 5 có một bộ phận nhỏ của nhóm tộc người Tà Mun từ chỗ là tín đồ đạo Cao Đài lại cải đạo theo Tin Lành.

Chúng tôi chọn các điểm khảo sát ở một số xã thuộc các huyện có đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh Bình Phước dựa trên tiêu chí là nơi có nhiều tín đồ tôn giáo là dân tộc thiểu số, gồm:

- Xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng có nhiều người Mnông và Xtiêng theo 3 tôn giáo: Công giáo (thôn Đăk La),

Bảng 1. Quá trình chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo của các dân tộc thiểu số tỉnh Bình Phước

STT	Dân tộc	Tín ngưỡng, tôn giáo cũ	Chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo mới	Trở lại tôn giáo cũ
1	Xtiêng, Mnông	Tín ngưỡng truyền thống (thờ cúng các thần của thế giới tự nhiên) và thờ cúng ông bà, cha mẹ.	- Chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống để theo đạo Công giáo, hoặc Tin Lành .	
2	Xtiêng, Mnông	Tín ngưỡng truyền thống (thờ cúng các thần của thế giới tự nhiên) và thờ cúng ông bà, cha mẹ.	Chuyển đổi tín ngưỡng truyền thống để theo đạo Công giáo hoặc Tin Lành nhưng sau đó bỏ đạo (vì nhiều lý do).	Từ 1990 trở đi -> Trở lại tôn giáo cũ (đạo Tin Lành hoặc Công giáo).
3	Xtiêng, Mnông	Tín ngưỡng truyền thống (thờ cúng các thần của thế giới tự nhiên) và thờ cúng ông bà, cha mẹ.	Chuyển đổi tín ngưỡng truyền thống để theo đạo Công giáo hoặc Tin Lành -> Sau đó cải đạo theo Phật giáo Nam Tông.	
4	Khmer	Phật giáo Nam Tông	Cải đạo theo Tin Lành.	-> Tái cải đạo từ Tin Lành trở lại Phật giáo Nam Tông
5	Nhóm tộc người Tà Mun	Tín ngưỡng truyền thống (thờ cúng các thần của thế giới tự nhiên) và thờ cúng ông bà, cha mẹ.	-> Chuyển đổi tín ngưỡng truyền thống để theo đạo Cao Đài (đa số).	
6	Nhóm tộc người Tà Mun	Tín ngưỡng truyền thống (thờ cúng các thần của thế giới tự nhiên) và thờ cúng ông bà, cha mẹ.	Chuyển đổi tín ngưỡng truyền thống để theo đạo Cao Đài -> Bỏ đạo Cao Đài để cải đạo theo Tin Lành (thiểu số).	

Nguồn: Phan Thị Yến Tuyết, 2017.

Phật giáo (thôn Đăk Úy), Tin Lành (thôn Đăk La, Đăk Xuyên, Bù Ghe), trong đó đông nhất là tín đồ Công giáo.

- Xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng có nhiều người Mnông và Xtiêng theo đạo Tin Lành. Giáo hội Bù Đăng được xem là “thủ phủ” Tin Lành của tỉnh Bình Phước.

- Xã Phước An, xã An Khương, huyện Hớn Quản có 5 thành phần dân tộc thiểu số, người Xtiêng đông nhất (30%), hầu hết theo đạo Tin Lành.

- Xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản có đông nhóm tộc người Tà Mun, chủ yếu theo đạo Cao Đài.

- Xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh có 42% người Khmer và người Xtiêng, đông nhất là người Khmer (ở ba ấp: Ba Ven, Cần Lê, Trà Đôn), người Xtiêng (ấp Đồi Đá, Cần Lê, khu tái định cư). Hai tộc người này theo Phật giáo Nam Tông, Tin Lành, Công giáo.

2.2. Tình hình tôn giáo - dân tộc và

các địa bàn chọn mẫu khảo sát tại tỉnh Đồng Nai

Tỉnh Đồng Nai có nhiều dân tộc thiểu số như Xtiêng, Chơ ro, Mạ, Khmer, họ là tín đồ các tôn giáo như Công giáo, Tin Lành (có 7/27 hệ phái Tin Lành được chính quyền công nhận về mặt tổ chức, 1 hệ phái được cấp đăng ký hoạt động), Phật giáo, Cao Đài (có 6/7 hệ phái Cao Đài được chính quyền công nhận về tổ chức). Tỉnh Đồng Nai có hơn 1,9 triệu tín đồ, chiếm hơn 70% dân số toàn tỉnh, với hơn 2.000 cơ sở thờ tự, gần 10.000 chức sắc, tu sĩ, 22.000 chức việc, 569 cơ sở tín

ngưỡng... (Ban Tôn giáo tỉnh Đồng Nai, 2016). Chúng tôi chọn một số xã tại tỉnh Đồng Nai để khảo sát, dựa trên tiêu chí là nơi có nhiều tín đồ tôn giáo là dân tộc thiểu số, như:

- Xã Túc Trưng, huyện Định Quán có cộng đồng người Chơ ro cư trú lâu đời. Những năm 1960 do chiến tranh lan rộng, các dân tộc thiểu số di dời khỏi vùng rừng núi đến định cư trong các ấp chiến lược và các khu vực thị tứ, sau đó theo Công giáo hoặc Tin Lành. Sau năm 1975 nhiều tín đồ đồng bào dân tộc thiểu số không sinh hoạt đạo. Về sau, khi có chính sách đổi mới về

Bảng 2. Quá trình chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo của các dân tộc thiểu số tỉnh Đồng Nai

STT	Dân tộc	Tín ngưỡng, tôn giáo cũ	Chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo	Trở lại tôn giáo cũ
1	Xtiêng, Choro	Tín ngưỡng truyền thống (thờ cúng các thần của thế giới tự nhiên) và thờ cúng ông bà, cha mẹ.	Chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống để theo đạo Công giáo (khoảng 1965).	
2	Chơ ro	Tín ngưỡng truyền thống (thờ cúng các thần của thế giới tự nhiên) và thờ cúng ông bà, cha mẹ.	Chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống để theo đạo Tin Lành khoảng 1972 (đa số). Bỏ đạo Tin Lành vào khoảng giữa năm 1975 (vì nhiều lý do).	Từ 1990 trở đi trở lại đạo Tin Lành.
3	Chơ ro	Tín ngưỡng truyền thống (thờ cúng các thần của thế giới tự nhiên) và thờ cúng ông bà, cha mẹ.	Chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang Phật giáo (xã Bảo Vinh, huyện Long Khánh và xã Túc Trưng, huyện Định Quán).	
4	Mạ	Tín ngưỡng truyền thống (thờ cúng các thần của thế giới tự nhiên).	Chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống để theo đạo Công giáo (đa số) -> Sau 1975 một số bỏ đạo Công giáo. Chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống để theo đạo Tin Lành (thiểu số) -> Sau 1975 một số bỏ đạo Tin Lành.	Từ 1990 trở đi trở lại đạo Công giáo. Từ 1990 trở đi trở lại đạo Tin Lành.

Nguồn: Phan Thị Yến Tuyết, 2017.

tín ngưỡng, tôn giáo của nhà nước, người Chơ ro đã trở lại tôn giáo cũ là Công giáo hoặc Tin Lành hoặc theo tôn giáo mới là Phật giáo.

- Xã Tà Lại, huyện Tân Phú có nhiều người Mạ và người Xtiêng cư trú sau năm 1975. Nhiều người Xtiêng vẫn theo tín ngưỡng truyền thống, một số đã chuyển theo Công giáo từ những năm 1960. Người Mạ thì chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang đạo Tin Lành, Công giáo.

- Xã Bảo Vinh, huyện Long Khánh có người Chơ ro theo Phật giáo sau năm 1975.

3. NGUYÊN NHÂN CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI HAI TỈNH BÌNH PHƯỚC VÀ ĐỒNG NAI CHUYỂN ĐỔI TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

Để lý giải nguyên nhân các dân tộc thiểu số và nhóm tộc người chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo, chúng tôi thực hiện phân tích theo ba nhóm nguyên nhân: kinh tế, hoàn cảnh xã hội và tinh thần, đời sống tâm linh. Việc tạm chia ba nhóm nguyên nhân này không có nghĩa là tách rời ra ba nguyên nhân, mà giữa ba nhóm này đều có liên quan hỗ trợ, tác động lẫn nhau.

3.1. Chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo từ lý do kinh tế

- Do các tôn giáo khuyến khích vật chất

Trong hoàn cảnh người dân sinh sống khó khăn, khi được một tôn giáo nào đó đến với họ, hỗ trợ về vật chất, cung cấp các nhu cầu thiết yếu cho họ kèm theo sự truyền đạo, người dân dễ trở thành tín đồ của tôn giáo ấy. Nguyên

nhân chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo này thường được các nhà nghiên cứu lý giải bằng *thuyết chọn lựa duy lý*. Ví dụ một số người Xtiêng (chủ yếu là phụ nữ lớn tuổi) ở xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Đồng Nai, đã chuyển từ tín ngưỡng truyền thống theo đạo Tin Lành (lúc theo đạo Tin Lành đã được giúp đỡ gạo, thuốc...), sau đó những người này lại cải đạo từ Tin Lành sang Công giáo (theo lời người dân trong thôn thì vì giáo xứ Công giáo hỗ trợ cho nhóm phụ nữ Xtiêng lương thực, thực phẩm, giúp đỡ cuộc sống của họ lúc khó khăn, ngoài ra họ còn được xe ô tô của nhà thờ Công giáo đưa đón họ đi lễ ngày chủ nhật) (Trích BBPV số 8: Điều B., người Xtiêng, ấp Sóc Lớn, xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước). Hoặc trường hợp nhóm tộc người Tà Mun tại tỉnh Bình Phước và tỉnh Tây Ninh do là tín đồ đạo Cao Đài nên họ luôn được Hội Thánh Cao Đài hỗ trợ từ những dịp tang lễ trong gia đình cho đến mọi sinh hoạt của cộng đồng. Trong tang lễ, Hội Thánh hỗ trợ từ thức ăn nấu chay đến quan tài, xe thuyền bát nhã, chu toàn mọi khâu an táng cho người quá cố. Ngay cả những hộ gia đình Tà Mun theo đạo Tin Lành nếu hoàn cảnh khó khăn cũng được Hội Thánh Cao Đài giúp đỡ, hỗ trợ vật chất như người cùng đạo. Các hoạt động từ thiện thăm viếng, tặng quà, khám chữa bệnh và phát thuốc miễn phí của các phái đoàn Hội Thánh Cao Đài nơi vùng cư trú của nhóm tộc người Tà Mun cũng diễn ra thường xuyên

(Trích BBPV số 14, L.T, nhóm tộc người Tà Mun, ấp Sóc 5, xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước). Thậm chí dịp lễ tết truyền thống Sauncô Khamuôn của nhóm tộc người Tà Mun vào đầu tháng 9 âm lịch hàng năm cũng được Hội Thánh Cao Đài địa phương đứng ra tổ chức, đảm nhận hầu hết từ khâu dựng rạp, bàn ghế sân khấu, lập bàn cúng, dàn nhạc và đài thọ tiệc chay hơn 20 bàn. Ngoài ra Hội Thánh còn tặng quà cho người già, trẻ em. Các hành vi hỗ trợ vật chất này lâu nay vẫn bị xem là động tác “giữ chân tín đồ” của các tôn giáo.

- *Do theo tín ngưỡng truyền thống phải cúng kiếng thần linh tốn kém quá nhiều nên người dân chuyển qua tôn giáo ít tốn kém hơn. Khi phong tục cúng kiếng các thần linh của tín ngưỡng truyền thống trở thành gánh nặng đối với người dân các dân tộc thiểu số thì việc chuyển đổi theo một tôn giáo khác là một chọn lựa của họ. Như trường hợp người Chơ Ro:*

“Họ ý thức về những vị thần mà họ phải tôn thờ cũng như yêu thương họ, nhưng phải cúng thần quá sức. Ví dụ mỗi người hàng năm cúng thần độ mạng một con gà, gia đình có mười người là 10 con gà. Ở trong làng có bao nhiêu con suối, con sông thì họ phải cúng bấy nhiêu con gà. Nếu họ làm trúng mùa thì phải trả một con heo. Trong suốt một năm đó nếu họ bệnh mấy lần thì phải cúng kiếng thần linh bấy nhiêu lần. Mỗi lần như vậy họ phải trả lễ một con gà. Người không hết

bệnh bị phạt cúng một con heo. Nếu không hết bệnh nữa thì thầy cúng sẽ truyền lời của thần linh cho biết nguyên nhân không hết bệnh, ví dụ do nhà xây trên mã người ta, cần chuyển nhà đi. Hay mỗi lần đi săn một con mồi thì phải cúng một con gà, nếu năm đó săn 20 con thú thì phải cúng 20 con gà cho thần rừng. Nhiều người nếu là tay thợ săn giỏi thì nuôi 1.000 con gà nhưng không dám ăn vì sợ tới khi cúng thần không đủ để trả lễ sẽ bị quở phạt” (Trích BBPV ông Điều L, người Chơ ro, xã Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) (MS:3A-QQ24).

Cũng tương tự với vấn đề trên, Huỳnh Ngọc Thu (2014: 127-134) khi đề cập đến cộng đồng người Mnông ở Đăk Liên, xã Đăk Nhan, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước cho biết: tín ngưỡng truyền thống đa thần của người Mnông là thờ thần lúa, thần rẫy, thần sấm và các vị thần là tổ tiên như ông Bông và N’du. Người dân cho rằng ông thầy cúng, thầy bùa (Bu N’hum) chữa bệnh không hết mà lại quá tốn kém, yêu cầu quá nhiều lễ vật. Còn với tôn giáo mới là Công giáo người dân chỉ cần cầu xin Chúa Trời, không cần phải dùng lễ vật. Khi người Mnông chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống để theo Công giáo toàn tông thì niềm tin của họ nơi các vị thần không còn nữa. Vai trò của các Bu N’hum cũng mất đi. Như vậy việc tin theo Công giáo của cộng đồng Mnông là sự lựa chọn mang tính duy lý của mỗi cá nhân.

3.2. Chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo từ lý do xã hội

- *Do hôn phối (theo tôn giáo của vợ hoặc chồng)*. Đây là nguyên nhân phổ biến nhất trong việc chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo. Việc cải đạo của các dân tộc thiểu số tại miền Đông Nam Bộ có hiện tượng đan xen nhập nhằng giữa hai tôn giáo Công giáo và Tin Lành chủ yếu do kết hôn, điều này có thể tạo nên tình trạng “chằng chéo” tôn giáo trong một gia đình và cộng đồng.

“Trước đây, cha mẹ tôi không theo đạo Tin Lành, họ theo Công giáo. Sau họ chuyển qua tin theo đạo Tin Lành. Anh trai tôi trước theo đạo Tin Lành, có vợ là người đạo Công giáo nên chuyển qua theo đạo Công giáo. Vợ tôi trước đây bên đạo Công giáo. Tôi cưới về và vợ tôi theo đạo Tin Lành” (Trích BBPV số 42: K’ Y, người Mạ, Tin Lành, 1957, làm nông, ấp 4, xã Tà Lại, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

Trong suy nghĩ của một bộ phận người dân tộc thiểu số, việc cải đạo giữa Công giáo và Tin Lành khá đơn giản, hầu như họ không có sự phân vân về việc từ bỏ tôn giáo cũ của mình. Hầu hết họ cho biết do hôn nhân chi phối và họ quan niệm như vậy là điều đương nhiên. Theo nhận định của người dân tộc thiểu số, nếu hai vợ chồng cùng một tôn giáo thì thuận lợi và tốt cho việc giữ được đạo, tức là đối với họ, trường hợp khác tôn giáo trong hôn nhân, mới là điều trở ngại, chứ khác dân tộc không có gì quan trọng.

- *Do tin rằng được định cư ở nước ngoài*. Đây là một trong những lý do có vẻ “thực dụng” trong những năm 1980 ở cộng đồng các dân tộc thiểu số và các nhóm tộc người. Từ những tin đồn lan truyền: “*đạo Tin Lành là đạo của Mỹ, ai vào đạo Tin Lành sẽ được rước đi Mỹ, đi nước ngoài*”, một số người Tà Mun đã bỏ tín ngưỡng truyền thống hoặc bỏ đạo Cao Đài để theo đạo Tin Lành. Khi thực tế không diễn ra đúng như thế, những người ngộ nhận đã bỏ đạo Tin Lành quay trở lại với đạo Cao Đài (Trích BBPV số 14: L.T, nhóm tộc người Tà Mun, ấp Sóc 5, xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, 2017).

- *Do bỏ được tệ rượu chè, cờ bạc...* Nam giới các dân tộc thiểu số đa số uống rượu rất nhiều, nhưng khi theo đạo Tin Lành, họ bỏ được rượu vì đó là điều cấm. Chẳng hạn, ông Lâm M., (nhóm tộc người Tà Mun), cũng giống các thanh niên người dân tộc, ông hút thuốc lá và uống rất nhiều rượu, vừa tốn kém tiền bạc, mà khi say rượu gây nhiều điều buồn khổ cho gia đình. Lúc đó anh của ông ở xã Đồng Nơ nói ông nếu theo đạo Tin Lành thì sẽ bỏ được thuốc lá và rượu, ông đã tin và theo đạo từ năm 1993. Nếu trước kia ông uống rượu say liên miên, đi đánh đờ, quậy phá gia đình khiến vợ con đau khổ thì nay ông đã bỏ được rượu và mọi tật xấu. Chính vì vậy, ban đầu trong gia đình chỉ một mình ông theo đạo Tin Lành, nhưng sau này vợ ông cũng cải đạo từ Cao Đài sang Tin Lành như chồng.

“Trước khi theo Tin Lành tôi cũng từng bỏ thuốc lá nhưng không thành công, như lần tôi kêu vợ tôi bắt con gà cúng thần linh, xin thần linh giúp tôi bỏ thuốc lá, nhưng chưa cúng gà xong thì người ta đã thấy tôi ngòì hút thuốc (cười). Khi tôi theo đạo Tin Lành mọi người nói đây là đạo của Tây, đạo Mỹ, nhưng tôi không tin, vì Tây, Mỹ không làm người ta bỏ rượu được mà chỉ có Chúa mới làm được. Tôi theo đạo và từ đó không uống rượu nữa” (Trích BBPV số 11: Lâm M., nhóm tộc người Tà Mun, 62 tuổi, Sóc 5, xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước).

- Do mối quan hệ ân nghĩa từ lâu đời của ông bà, tổ tiên với tôn giáo đó. Trong các dân tộc thiểu số tại miền Đông Nam Bộ hầu như chỉ có nhóm tộc người Tà Mun theo đạo Cao Đài. Sự gắn kết của đạo Cao Đài đối với người Tà Mun khá chặt chẽ và liên quan đến một quá trình lâu dài tại vùng đất Bình Phước và Tây Ninh. Ngay từ đầu thế kỷ XX, thời kỳ khai mở khu rừng còn đầy dã thú, hoang sơ để xây dựng Tòa Thánh Tây Ninh đã có hàng ngàn người thuộc nhóm tộc người Tà Mun tự nguyện tham gia. Cảm kích sự cống hiến tận tụy của bộ phận tộc người này, Đức Hộ pháp Phạm Công Tắc đã dành khu đất bên hông Tòa Thánh Tây Ninh cho nhóm tộc người này cư trú ổn định cho tới nay. Cũng vào thời điểm đó nhóm tộc người Tà Mun đã rời bỏ tín ngưỡng truyền thống của mình để chuyển đổi theo Cao Đài. Hiện nay nhóm tộc

người Tà Mun tại ấp Sóc 5, xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước đã nhập môn đạo Cao Đài khoảng 80%, riêng 10% tuy chưa nhập môn nhưng họ vẫn cho rằng mình thuộc đạo Cao Đài, số còn lại 10% theo đạo Tin Lành (hầu hết có nguồn gốc đạo Cao Đài cải đạo sang) (Trích BBPV số 14: Lâm T., nhóm tộc người Tà Mun, Cao Đài, ấp Sóc 5, xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước). Chính vì tình cảm ân nghĩa của ông bà những thế hệ trước đã theo đạo Cao Đài, luôn được chức sắc Hội Thánh Cao Đài ưu ái, cư mang đặc biệt nên giữa đạo Cao Đài và nhóm tộc người Tà Mun từ xưa tới nay đều có mối quan hệ gắn kết.

- Do tín đồ người dân tộc được nghe giảng Kinh Thánh và thực hiện Thánh lễ bằng chính ngôn ngữ dân tộc của mình. Các dân tộc thiểu số theo đạo Tin Lành vì cảm thấy thuận lợi : khi họ đi lễ ở nhà thờ đều được các mục sư hoặc trưởng nhóm Tin Lành người dân tộc giảng kinh trực tiếp bằng tiếng dân tộc của họ như Xtiêng, Mnông, Chơ ro, Mạ, Khmer. Thậm chí họ còn được đọc *Kinh Thánh* viết bằng chữ dân tộc đã Latinh hóa. Họ cảm nhận tôn giáo ấy gần gũi với dân tộc mình, quan tâm đến dân tộc mình. Họ nghĩ rằng nếu theo các tôn giáo khác như Công giáo, Phật giáo hay Cao Đài... họ sẽ cảm thấy xa lạ, không hiểu được gì nhiều bởi các linh mục hay chức sắc của đạo, các nhà sư đa số là người Việt, chỉ giảng kinh bằng tiếng Việt.

3.3. Nhóm nguyên nhân chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo vì yếu tố tinh thần trong đời sống tâm linh

- Do cảm nhận được niềm tin trong đời sống tâm linh, có được sức khỏe và sự bình an, thanh thản trong tâm hồn. Có những trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang tôn giáo mới khi họ cảm nhận được sự an lành và sức khỏe của mình tốt hơn. Như trường hợp ông K'R., người Xtiêng và vợ là người Chơ ro ở tỉnh Đồng Nai. Trước đây ông chỉ thờ tổ tiên, còn vợ ông theo đạo Phật, về sau do cảm nhận sự an bình của Phật giáo nên ông theo đạo Phật như vợ. Hoặc như ông K.G., người Xtiêng ở Đồng Nai cũng chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang Phật giáo theo vợ. Hoặc trường hợp khác của bà Thị C. ở thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai:

“Cả nhà thờ cúng ông bà tổ tiên, giữ tập quán, tục lệ của người Chơ ro. Sau năm 1975, cả nhà theo Phật giáo. Tôi quy y, được công nhận với pháp danh là Đệ Tâm. Trong nhà có bàn thờ Phật ở gian chính, trên cao nhất. Ở phía dưới là bàn thờ tổ tiên. Tôi đi chùa trong vùng là chùa Ruộng Lớn (chùa Hiến Mật). Khi theo Phật, lên chùa niệm Phật thì thấy người khỏe...” (Trích BBPV số 20: Thị C, người Chơ ro, Phật giáo, làm nông, ấp Ruộng Lớn, xã Bảo Vinh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai).

Ông Thổ B. người Chơ ro ở Long Khánh, Đồng Nai, cho rằng, ông sẽ tin theo đạo Phật cho đến khi qua đời.

Sau này, ông muốn con cái an táng ông trong nghĩa địa của chùa và gửi bài vị ở đó. Ông cho biết, từ khi cả nhà tin theo đạo Phật thì thấy sống tốt và an lành (Trích BBPV số 24: Thổ B., người Chơ ro, Phật giáo, làm nông, ấp Ruộng Lớn, xã Bảo Vinh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai).

Có những thanh niên Chơ ro ở xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo đạo Tin Lành khi còn nhỏ cho biết niềm tin vào đạo vẫn vững chắc cho tới nay vì ý thức mình không còn mê tín dị đoan, không tin vào các thầy cúng, thầy phù thủy trong tín ngưỡng truyền thống của cộng đồng.

“Tôi tin đạo Tin Lành, tin Chúa vào lúc còn nhỏ. Cha mẹ tôi tin Chúa. Tôi có niềm tin vào sự cứu rỗi của Chúa như Kinh Thánh dạy trong giáo lý. Từ khi tin theo đạo tôi thấy có rất nhiều những điều tích cực đối với tôi. Tôi thấy mình yêu thương những người thân trong gia đình hơn, giúp đỡ quan tâm, chia sẻ, tha thứ, nhịn nhục, nhu mì... trong cách sống. Tôi có niềm tin nơi Chúa và cầu nguyện cho những người thân đùm bọc, yêu thương nhau nhiều hơn như lời Kinh Thánh khuyên dạy...” (Trích BBPV số 27: Thổ Th, người Chơ ro, Tin Lành, 1990, nghề nghiệp tự do, xã Bảo Vinh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai).

Một người Mạ khác thuộc tầng lớp viên chức theo đạo Công giáo vì nhận thấy đời sống tâm linh của mình tốt đẹp, trân trọng về những điều thiện và lành của tôn giáo chứ không phải do

những quyền lợi vật chất mà tôn giáo đó mang lại.

“Tôi theo đạo Công giáo từ lúc nhỏ, cả nhà theo đạo này luôn... Tôi thấy đạo đem lại niềm tin trông cậy cho con người. Ai theo đạo tức là tin vào Chúa Trời thì được che chở, được bình an trong tâm hồn, có mối quan hệ thân mật trong sự đối đãi nhau giữa những người có đạo” (Trích BBPV số 45: K' GI, người Mạ, Công giáo, 1962, viên chức, ấp 4, xã Tà Lại, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

Có những người chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo vì tìm thấy được sự bình an, thanh thản sau những biến cố trong cuộc sống (như liên tục gặp khó khăn, tang tóc, tâm lý lo sợ, bất an). Khi theo đạo họ cảm nhận niềm tin rất lớn từ tôn giáo:

“Mẹ tôi khi sống ở Định Quán chỉ giữ đạo của ông bà truyền lại, cúng thờ nhiều thần linh. Trong một năm, ba người anh của tôi bệnh chết. Cả nhà đã cúng thần linh mà con cứ chết hết người này đến người khác. Mẹ tôi đau khổ nhiều. Khi đó nghe truyền đạo Công giáo. Mẹ tôi kể lại, buồn quá, nên tin theo đạo xem như thế nào, hoàn cảnh khó khăn có thay đổi gì không?... Nhà tôi sau khi tin đạo thì khỏe mạnh, các anh chị em tôi cũng không bệnh tật gì. Mẹ tôi thấy tin theo đạo, tin theo Chúa thì cuộc sống an lành nên tin cho đến bây giờ. Những người con trong gia đình lớn lên cũng tin theo mẹ. Tôi cũng giữ niềm tin vào Chúa” (Trích BBPV số 46: Ka R, người Mạ, Công giáo, 1972, làm nông,

ấp 4, xã Tà Lại, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

- Do tôn giáo mới không cấm đoán việc kính nhớ tổ tiên, ông bà.

Khi phân tích lý do chuyển đổi tín ngưỡng truyền thống để theo Công giáo, một bộ phận người dân tộc cho rằng sở dĩ họ theo Công giáo vì nhận thấy hiện nay Công đồng Vatican đã chấp nhận cho tín đồ Công giáo được kính nhớ tổ tiên, được thắp nhang tưởng niệm nên họ cảm thấy Công giáo cũng như đạo Phật không quá cấm đoán khắt khe, họ vẫn còn được duy trì một phần ký ức về tín ngưỡng truyền thống của tộc người mình.

“Trong tuần tôi chỉ đi nhà thờ một lần để cầu nguyện, nghe linh mục khuyên dạy làm theo Kinh Thánh. Tôi cũng đi chùa cúng Phật, vì tôi nghĩ đạo Công giáo không có cấm cúng kiếng, đâu có cấm đoán gì đâu. Tôi đi chùa cũng cầu xin gia đình được bình an, khỏe mạnh, đủ ăn” (Trích BBPV số 23: Thị N., người Chơ ro, Tin Lành, công nhân, 1992, ấp Ruộng Lớn, xã Bảo Vinh, thị xã Long Khánh, huyện Đồng Nai).

Cũng như vậy, nhóm tộc người Tà Mun tại hai tỉnh Bình Phước và Tây Ninh theo đạo Cao Đài cho tới nay còn vì nguyên nhân đạo Cao Đài không cấm đoán, cản trở nhóm tộc người này được lưu giữ một phần niềm tin thiêng liêng từ việc thờ cúng ông bà tổ tiên của họ qua tín ngưỡng “Un Cô” (có nghĩa là ông bà). Hàng năm họ vẫn được tổ chức tết truyền thống Sauncô Khamuôn riêng của họ vào cuối tháng 8, đầu tháng 9 âm lịch với

sự quan tâm của Hội Thánh Cao Đài địa phương.

4. SỰ CHUYỂN ĐỔI TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO VÀ SỰ LỰA CHỌN DUY LÝ CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

4.1. Người ta thường quy tất cả vào lý do kinh tế, cho rằng các dân tộc thường bị lệ thuộc vào nền kinh tế thị trường, nên khi một tôn giáo mới đem lại cho họ quyền lợi vật chất thì họ dễ ngã theo, chẳng hạn như các việc từ thiện, cấp vốn, cấp vật liệu xây dựng, thuốc chữa bệnh, dạy học cho con em người dân tộc... Tất nhiên không hiếm trường hợp các dân tộc thiểu số và các nhóm tộc người ở hai tỉnh Bình Phước và Đồng Nai thuộc miền Đông Nam Bộ trong quá trình chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo đã có những biểu hiện như nhận sự giúp đỡ, hỗ trợ về vật chất và sự truyền đạo của một tôn giáo để rồi cải đạo theo tôn giáo ấy. Hoặc khi tiếp xúc với một tôn giáo mới, người dân so sánh về tập tục cúng kiếng quá tốn kém mà ít hiệu quả của tín ngưỡng truyền thống để lựa chọn tôn giáo mới. Qua hành vi ấy một số nhà khoa học xem đó là sự lựa chọn duy lý, căn cứ theo thuyết lựa chọn duy lý. Nhưng điều này dễ dẫn đến cách nhìn thiên lệch và ngộ nhận, vì sự *lựa chọn duy lý* trong quá trình chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo của các dân tộc thiểu số không hẳn chỉ bắt nguồn từ hành vi thực dụng, không phải chỉ nghiêng về vật chất hay sự so sánh đơn thuần mà đằng sau các hiện tượng ấy còn những điều cần xem lại. Vì có trường hợp một số tôn giáo hỗ

trợ lương thực, thức ăn, đồ dùng nhưng người dân chỉ nhận hỗ trợ chứ không ai xin theo đạo (Trích BBPV số 8: Điều B., người Xtiêng, ấp Sóc Lớn, xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước). Ngoài ra có những tín đồ chấp nhận theo một tôn giáo nhưng không hề được khuyến khích vật chất mà họ còn phải cùng nhau hỗ trợ cho tôn giáo ấy vì đức tin của mình. Như trường hợp có điểm nhóm Tin Lành khó khăn về tài chánh, về địa điểm hoạt động, tín đồ dù rất nghèo vẫn cùng nhau tự nguyện đóng góp kinh phí (Trích BBPV số 14, L.T, nhóm tộc người Tà Mun, ấp Sóc 5, xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, 2017). Từng có những người, vào những thời điểm, những nơi khác nhau nhận định rằng các dân tộc thiểu số trước đây theo tín ngưỡng truyền thống hay một tôn giáo nào đó rồi bỏ tín ngưỡng hay tôn giáo ấy để chuyển sang một tôn giáo khác là do bị tôn giáo ấy “dụ dỗ”. Đây là một nhận định không chỉ biểu hiện sự thiếu tôn trọng các dân tộc thiểu số mà còn xúc phạm đến các tôn giáo, vì hoạt động từ thiện giúp đỡ vật chất cho người dân có hoàn cảnh khó khăn nhiều khi còn là một phần của mục tiêu hội nhập, nhập thể của tôn giáo ấy chứ không nhằm “dụ dỗ” người dân theo đạo. Ngoài ra nhận định nêu trên đi ngược lại quan điểm “tương đối luận văn hóa” (cultural relativism)⁽⁷⁾, không ai có quyền đứng trên quan điểm văn hóa của dân tộc mình để xét đoán, phê phán văn hóa của dân tộc khác. Như vậy sự chuyển đổi tín ngưỡng, tôn

giáo không phải chỉ do nguyên nhân kinh tế và nếu chỉ chú trọng vào yếu tố này thì lý thuyết chọn lựa duy lý không phản ánh được thực tế (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2005: 78).

4.2. Kết quả khảo sát cho thấy các nguyên nhân chuyển đổi tôn giáo trong cộng đồng các dân tộc thiểu số rất đa dạng, xuất phát từ nhiều lý do thuộc về nhận thức, hoàn cảnh xã hội (như lý do phải theo tôn giáo của vợ hoặc chồng, do tin rằng được định cư ở nước ngoài, do mối quan hệ ân nghĩa từ lâu đời của ông bà, tổ tiên với tôn giáo đó, do tín đồ người dân tộc được nghe giảng *Kinh Thánh*, và thực hiện Thánh lễ bằng chính ngôn ngữ dân tộc của họ, do theo tôn giáo mà bỏ được nạn rượu chè, cờ bạc...). Ngoài ra còn rất nhiều nguyên nhân chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo xuất phát từ niềm tin sâu sắc, thiêng liêng thuộc về đời sống tâm linh của cá nhân tín đồ và cộng đồng (như do cảm nhận được sự bình an trong tâm hồn, sự thanh thản sau những biến cố trong cuộc sống, sâu xa hơn là do một số tôn giáo không cấm đoán việc kính nhớ ông bà, tổ tiên và những nghi lễ của tín ngưỡng truyền thống). Kết quả khảo sát khá phù hợp với nhận định của các nhà khoa học rằng: “lý thuyết chọn lựa hợp lý đã bỏ qua vai trò của cảm xúc, tình cảm trong hành động của con người... Lý thuyết của Homans cũng như các lý thuyết hành vi khác, đã không quan tâm đủ đến vai trò của ý thức, kinh nghiệm bên trong, quá trình nội tâm hóa các giá trị của con người (Ritzer, 1988: 393); không

giải thích được nguồn gốc và sự thay đổi của các chuẩn mực xã hội (Scott, 2002)” (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2005: 77). Có những nhà khoa học thoát đầu xem *thuyết chọn lựa duy lý* chỉ để giải thích sự tồn tại của tôn giáo trong thời hiện đại, cho rằng mọi hoạt động của con người đều bị chi phối bởi cơ chế thị trường (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2005: 77), xem các tôn giáo như là hàng hóa trong thị trường. Thực ra trong *thuyết lựa chọn duy lý* “thực tế có nhiều loại hợp lý; loại hợp lý thực dụng do tính toán giữa mục đích và phương tiện, loại hợp lý do những giá trị chọn lựa hay loại hợp lý do các mối tương quan xã hội qui định. Trong các loại hình hợp lý này, không phải bao giờ con người cũng hành động theo sự chi phối của tính toán thực dụng” (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2005: 77-78).

4.3. Sự chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo có một quá trình chuẩn bị tâm lý khiến người ta nhận thấy tín đồ không bị mất mát niềm tin của tín ngưỡng, tôn giáo cũ khi họ đón nhận tôn giáo mới. Họ có sự thích nghi về tâm lý tộc người, về đời sống tâm linh và môi trường xã hội của cộng đồng. Hầu như hiếm có sự kỳ thị, xung đột giữa tín đồ các tôn giáo do vấn đề khác đạo, cải đạo hay tái cải đạo giữa các dân tộc cùng cộng cư trên địa bàn miền Đông Nam Bộ.

4.4. Trong sự chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo tại địa bàn này, tâm thức của tín đồ các dân tộc thiểu số khá đơn giản. Ví dụ khi chuyển đổi tôn giáo từ Công giáo sang đạo Tin Lành họ quan niệm đơn giản là do Công giáo và Tin

Lành đều thờ chúa Jesus nên đều có đức tin như nhau, vì vậy họ không thấy phân vân hay cảm thấy có lỗi khi quay lưng với tôn giáo cũ. Trong những trường hợp này họ cải đạo nhưng không xáo trộn nhiều về tâm lý. Hoặc các dân tộc từ tín ngưỡng truyền thống hay từ Phật giáo chuyển đổi sang Công giáo đều nhận định do Công đồng Vatican cho phép tín đồ thấp nhang và kính nhớ tổ tiên nên họ nhận thức theo Công giáo vẫn phần nào gần gũi với tín ngưỡng, tôn giáo cũ của mình.

4.5. Đặc biệt, hầu như hiếm dân tộc thiểu số hay nhóm tộc người sau này bỏ các tôn giáo đã theo để quay trở lại tín ngưỡng truyền thống, nhất là bộ phận thanh niên. Nguyên nhân là do họ không còn sinh sống ở môi trường thiên nhiên rừng núi như các thế hệ trước nên những thần linh của thế giới tự nhiên này đã dần trở nên xa lạ (ví dụ nhóm tộc người Tà Mun xưa kia trồng lúa rẫy, việc cúng kiếng thần linh liên quan đến lúa rẫy là cần thiết, ngày

nay hầu như họ chỉ trồng và thu hoạch cây cao su nên tín ngưỡng cũ không có lý do tồn tại).

Như vậy so với giả thuyết nghiên cứu của bài, qua khảo sát trước mắt có thể xem sự *chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo* đã diễn ra như một quá trình từ bỏ tín ngưỡng truyền thống, lựa chọn tôn giáo để theo và những trường hợp cải đạo, thậm chí tái cải đạo giữa các tôn giáo khác nhau không đơn thuần là việc tính toán từ các điều kiện kinh tế, vật chất có lợi cho cá nhân con người mà chủ yếu xuất phát từ yếu tố hoàn cảnh xã hội cũng như yếu tố tinh thần, tâm lý của cá nhân và cộng đồng tộc người.

Chúng tôi nghĩ rằng chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo tại một địa bàn nhiều dân tộc thiểu số như miền Đông Nam Bộ là vấn đề khá phức tạp, mà những đợt khảo sát của chúng tôi trong hai năm 2016 - 2017 chắc chắn chưa đủ. Vì vậy vấn đề này cần phải tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ PGS.TS. Phan Thị Yến Tuyết, Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP HCM. Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia TP HCM trong khuôn khổ đề tài mã số B2016-18b-01.

⁽²⁾ Những người thực hiện điền dã, phỏng vấn sâu được nhắc đến trong bài gồm: Phan Thị Yến Tuyết, (giảng viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP HCM) và Phan Đình Dũng (giảng viên Trường Đại học Văn hóa TP HCM).

⁽³⁾ Tộc danh của các dân tộc tại Việt Nam trong bài này chúng tôi dựa vào bảng *Danh mục các dân tộc Việt Nam* (Quyết định số 421, ngày 2/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Việt Nam về *Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam*). Còn người Tà Mun do chưa được công nhận là một thành phần trong *Danh mục thành phần các dân tộc ở Việt Nam* nên chúng tôi gọi họ là *nhóm tộc người* (ethnic group).

⁽⁴⁾ *Tiềm lực và giới hạn của lý thuyết lựa chọn duy lý, phỏng vấn Gary Becker*. (Nguồn: <https://phantichkinhte123.wordpress.com/2014/12/10/tiem-luc-va-gioi-han-cua-ly-thuyet-lua>

chon-duy-ly-phong-van-gary-becker/). Gary S. Becker là giáo sư giảng dạy ở Khoa Kinh tế học, Xã hội học và Khoa Sau đại học về Kinh doanh của Đại học Chicago, Illinois, Hoa Kỳ.

⁽⁵⁾ Khái niệm *tôn giáo truyền thống* trong công trình này có thể hiểu là tín ngưỡng truyền thống thờ những vị thần của thế giới siêu nhiên.

⁽⁶⁾ Một phân tích mới của báo *The Number Weekly* (Mỹ) cho thấy tình trạng thù nghịch tôn giáo ở những nước mà chính phủ hạn chế việc chuyển đổi tôn giáo (còn gọi là cải giáo), luôn có nhiều khả năng xảy ra hơn so với các nước không có những hạn chế đó (Quang Nhượng, 2018. “Kết quả nghiên cứu: Tự do chuyển đổi tôn giáo góp phần làm giảm căng thẳng, thù nghịch tôn giáo”. http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/249/0/7051/Ket_qua_nghien_cuu_Tu_do_chuyen_doi_ton_giao_gop_phan_lam_giam_cang_thang_thu_nghich_ton_giao).

⁽⁷⁾ Tương đối luận văn hóa (cultural relativism) là quan điểm tiến bộ của ngành Nhân học Mỹ, nhằm phê phán thuyết vị tộc, vị chủng văn hóa. Quan điểm của Tương đối luận văn hóa là người ta cần tôn trọng và học cách tôn trọng một nền văn hóa theo cách mà chính chủ thể của nền văn hóa đó nhìn nhận.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Tôn giáo tỉnh Đồng Nai. 2016. *Báo cáo của Ban Tôn giáo tỉnh Đồng Nai năm 2016*.
2. Biên bản phỏng vấn 48 thông tin viên tại TPHCM và các tỉnh miền Đông Nam Bộ liên quan đến nội dung của đề tài (Biên bản gõ băng).
3. Buckser Andrew and Glazier D. Stephen (edited). 2003. *The Anthropology of Religious Conversion*, Rowman & Littlefield Publishers, INC. (Bản dịch của Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM).
4. Huỳnh Ngọc Thu. 2014. “Chuyển đổi tôn giáo: Sự lựa chọn duy lý của người Mnông (thôn Đắc Liên, xã Đắc Nhan, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước)”. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9(135), 2014.
5. Minh Thạnh. 2013. “Phật giáo sẽ ra sao, trước xu hướng biến đổi tôn giáo trên thế giới?” <http://tongiaovadantoc.com/c1041/20131005142438270/phat-giao-se-ra-sao-truoc-xu-huong-bien-doi-ton-giao-tren-the-gioi.htm>. Truy cập ngày 5/10/2013.
6. MS 3A-QQ24, *Tín ngưỡng tâm linh của người Châu Ro ở huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu*, EUREKA lần 8 năm 2006. (Xin phép sinh viên có mã số MS 3A-QQ24 cho chúng tôi được trích dẫn BBPV này, xin cảm ơn).
7. Nguyễn Xuân Nghĩa. 2005. “Lý thuyết lựa chọn hợp lý và việc giải thích hiện tượng tôn giáo”, *Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 2 (114).
8. Quang Nhượng. 2018. “Kết quả nghiên cứu: Tự do chuyển đổi tôn giáo góp phần làm giảm căng thẳng, thù nghịch tôn giáo”. http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/249/0/7051/Ket_qua_nghien_cuu_Tu_do_chuyen_doi_ton_giao_gop_phan_lam_giam_cang_thang_thu_nghich_ton_giao.
9. Trần Thị Minh Ngọc (dịch). 2014. “Tiềm lực và giới hạn của lý thuyết lựa chọn duy lý, phỏng vấn Gary Becker”. <https://phantichkinhte123.wordpress.com/2014/12/10/tiem-luc-va-gioi-han-cua-ly-thuyet-lua-chon-duy-ly-phong-van-gary-becker/>).
10. Wang Vivian. 2014. “Tổng luận ‘Lý thuyết sự lựa chọn hợp lý’”. https://prezi.com/ugw6q-p9_w_e/ly-thuyet-su-lua-chon-hop-ly/, truy cập ngày 5/4/2014.